

Số: 753 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 17 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung định mức kinh tế, kỹ thuật tạm thời
áp dụng triển khai các dự án, chương trình, mô hình khuyến nông
trên địa bàn thành phố năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về
Khuyến nông;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số
23/TTr-SNN ngày 03/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế, kỹ thuật
tạm thời áp dụng triển khai các dự án, chương trình, mô hình khuyến nông trên
địa bàn thành phố năm 2021, gồm:

1. Định mức kỹ thuật mô hình sản xuất lúa hữu cơ.
2. Định mức mô hình ứng dụng công nghệ cao liên kết sản xuất sản phẩm rau
củ quả theo tiêu chuẩn VietGAP gắn truy xuất nguồn gốc.
3. Định mức kỹ thuật mô hình chăn nuôi lợn nái sinh sản theo VietGAHP,
hướng hữu cơ, sản xuất lợn giống thương phẩm phục vụ tái đàn lợn trên địa bàn
thành phố.
4. Định mức kỹ thuật cho mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học nuôi thâm
canh cá trắm cỏ và chép bằng thức ăn công nghiệp.
5. Định mức kỹ thuật cho mô hình Phát triển nuôi trồng thủy sản theo
hướng hữu cơ (nuôi luân canh/xen canh cá – lúa).

(Nội dung chi tiết đính kèm tại Phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các: Sở
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn
vị, địa phương có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP;
- Phòng NNTNMT;
- CV: NN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số **153** /QĐ-UBND ngày **17** tháng **3** năm 2021 của UBND thành phố)

A. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

I. Mô hình sản xuất lúa hữu cơ

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư		Tính cho 01ha			
1.1. Giống					
a	Mạ khay	khay	- Lúa lai: 200-220 - Lúa thuần: 250-280	Tiêu chuẩn mạ khay khi cấy máy: Số lá từ 3,0-3,5 lá; chiều cao từ 12 - 15cm; rễ mạ trắng, ăn kín đều trong khay; cứng cây; đánh dánh; sạch sâu bệnh.	
b	Giống	Kg	- Lúa lai: 25-30 - Lúa thuần: 250-280	Cấp xác nhận. Tiêu chuẩn hạt giống đảm bảo độ sạch 99%; tỷ lệ nảy mầm đạt 80%; độ ẩm đạt 13,5%.	
1.2	Phân bón hữu cơ vi sinh	kg	- Lúa lai: 7.000 - Lúa thuần: 5.800	Tiêu chuẩn cơ sở	
1.3	Phân bón lá sinh học	lít	13	Tiêu chuẩn cơ sở	
1.4	Thuốc bảo vệ sinh học	1000đ	3000	Tiêu chuẩn cơ sở	
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây mô hình				Số lượng không quá 50 người/lớp
	+ Số lần	Lần	1		
	+ Thời gian	Ngày/lần	02		
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc	

-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	01	Có chuyên môn phù hợp
-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤10	

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tập huấn nhân rộng			Số lượng học viên từ ≤ 50 người/lớp.
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	
	- Thời gian thăm quan, thực hành.	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	-Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 100 người/cuộc.
	- Biển vùng, tờ gấp, clip, sách kỹ thuật...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

II. Mô hình ứng dụng công nghệ cao liên kết sản xuất sản phẩm rau củ quả theo tiêu chuẩn VietGAP gắn truy xuất nguồn gốc

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư		<i>Tính cho 01ha</i>			
1.1. Giống					
a	Giống dưa vằn lưới, dưa vàng...	Cây gram	- Cây giống: 30.000 cây - Hạt giống: 750 gram	Hạt lai F1	

b	Giống dưa chuột	Cây gram	- Cây giống: 30.000 cây - Hạt giống: 750 gram	Hạt lai F1	
c	Giống cà chua	Cây gram	- Cây giống: 30.000 cây - Hạt giống: 250 gram	Hạt lai F1	
1.2	Phân bón, vật tư			Tiêu chuẩn cơ sở	
1.2.1	Cây dưa vằn lưới, dưa vàng...				
	Vôi bột	kg	500		
	Phân bón vi sinh, hữu cơ	kg	3.000		
	NPK 15:15:15	kg	800		
	Lân super	kg	400		
	KNO3	kg	50		
	Phân bón lá	1.000 đ	1.000		
	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000		
1.2.2	Cây dưa chuột				
	Vôi bột	kg	500		
	Phân bón vi sinh, hữu cơ	kg	3.000		
	NPK 15:15:15	kg	950		
	Lân super	kg	400		
	KNO3	kg	50		
	Phân bón lá	1.000 đ	1.000		
	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000		
1.2.3	Cây cà chua				
	Vôi bột	kg	500		
	Phân bón vi sinh, hữu cơ	kg	5000		
	NPK 15:15:15	kg	1000		
	Lân super	kg	600		

Handwritten signature

	KNO3	kg	100		
	Phân bón lá	1.000 đ	1.000		
	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	1.500		
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần	1		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	01	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤10		

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Số lượng học viên từ ≤ 50 người/lớp.
	- Thời gian thăm quan, thực hành.	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 100 người/cuộc.
	- Biển vùng, Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt



B. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

I. Mô hình chăn nuôi lợn nái sinh sản theo VietGAHP, hướng hữu cơ, sản xuất lợn giống thương phẩm phục vụ tái đàn lợn trên địa bàn thành phố

1. Hỗ trợ mô hình (tính cho 01 con)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1.	Giống, vật tư				
1.1	Giống ban đầu	Con	01 (80-≤100 kg)	Giống được công nhận TBKT được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	
1.2.	Thức ăn hỗn hợp				
	Giai đoạn nái chờ phối (45 ngày x 2,6kg/con/ngày)	kg	117	Hàm lượng Protein thô 15-17%	
	Giai đoạn nái có chửa (hỗ trợ 114 ngày x 2,5kg/con/ngày)	kg	285	Hàm lượng Protein thô 15-17%	
	Giai đoạn nái nuôi con (hỗ trợ 25 x 5,3kg/ con/ ngày)	kg	132	Hàm lượng Protein thô 18-20%	
1.3.	Vắc xin - Dịch tả (2) - LMLM (2) - Tai xanh (2) - THT (2) - PTH (2) - Đóng dấu (2)	Liều	12	Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, được phép sản xuất và kinh doanh tại Việt Nam	
1.4	Hóa chất sát trùng (đã pha loãng theo quy định)	Lít	40		
1.5.	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	02		

du

Luận Văn

1.6.	Acid hữu cơ, thảo dược thay thế kháng sinh cho ăn, cho uống	Lọ/ điểm	300		
1.7.	Chế phẩm sinh học phun chuồng nuôi	Lít	0,1		
1.8	Thụ tinh nhân tạo/ con	Liều	02		
2	Chi triển khai				
2.1	Tập huấn				
-	Số lần	Lần	02		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/người	40 -50		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	18		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
-	Sơ kết	Ngày	01		
-	Tổng kết	Ngày	01		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/ hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

C. LĨNH VỰC THỦY SẢN

I. Mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học nuôi thâm canh cá trắm cỏ và chép bằng thức ăn công nghiệp

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
a	Cá trắm	Con/m ²	≤2	Quy cỡ giống: ≥100g/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng.	
	Cá chép		≤1,5	Quy cỡ giống: ≥20g/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng.	
b	Thức ăn	FCR	≤1.5	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥ 24%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
c	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 150 triệu đồng/ha			
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần	1		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	01	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤10		

a

Chữ ký

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian thăm quan, thực hành.	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng $\leq$ 80 người/cuộc.
	- Biển báo, tờ gấp, clip, sách kỹ thuật...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

II. Mô hình phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hữu cơ (nuôi luân canh/xen canh cá – lúa)

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
a	Cá rô phi	Con/m ²	≥ 1	Quy cỡ giống: $\geq 6\text{g/con}$; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng.	
	Cá chép		$\geq 0,8$	Quy cỡ giống: $\geq 20\text{g/con}$; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng.	
	Cá mè		$\geq 0,2$	Quy cỡ giống: $\geq 100\text{g/con}$; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng.	
b	Thức ăn	FCR	≤ 1.2	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 24\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng	

				dưới 3 tháng.	
c	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 50 triệu đồng/ha			
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần	1		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	01	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤10		

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian thăm quan, thực hành.	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 80 người/cuộc.
	- Biển báo, Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt